

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố bộ thủ tục hành chính lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tỉnh Lâm Đồng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website VP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, NC, PKSTTHC.



**CHỦ TỊCH**

**Đoàn Văn Việt**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)



**PHẦN I.  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực công nghiệp</b>
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
4	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
4	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu
6	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

## PHẦN II. NỘI DUNG CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### I. Lĩnh vực công nghiệp

#### 1. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

##### 1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh đầy đủ theo quy định, nộp hồ sơ tại phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện (sau đây gọi tắt là phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ thành phần của hồ sơ, viết giấy biên nhận nếu hồ sơ đã đủ thành phần. Nếu hồ sơ thiếu, công chức hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ túc hồ sơ đầy đủ theo quy định.

##### b) Bước 2:

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng xem xét và cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung. Thời gian chờ bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian thẩm định hồ sơ.

c) Bước 3: Tổ chức, cá nhân nộp lại giấy biên nhận, nộp lệ phí theo quy định, và nhận kết quả tại phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong giờ làm việc từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng hoặc qua đường bưu điện.

##### 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

##### a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Theo mẫu);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất.

b) Số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 01 bộ gửi phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công.

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng các thành phố và các huyện.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

**1.8. Lệ phí:** thực hiện theo Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính.

- Phí thẩm định điều kiện hoạt động để cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.

- Lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 200.000 đồng/giấy/lần.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (ban hành kèm theo mẫu tại Phụ lục 10 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014).

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;
- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

**Phụ lục 10**

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

**Kính gửi: Phòng ..... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...<sup>(1)</sup>**

.....<sup>(2)</sup>

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký Tổ chức, cá nhân) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Phòng .....<sup>(1)</sup> xem xét cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....<sup>(3)</sup>

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....<sup>(4)</sup>

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất  
(ký tên, đóng dấu)**

**Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Kinh tế).

<sup>(2)</sup>: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

<sup>(3)</sup>: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

<sup>(4)</sup>: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

## **2. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

### **2.1. Trình tự thực hiện**

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh đầy đủ theo quy định, nộp hồ sơ tại phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện (*sau đây gọi tắt là phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng*).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ thành phần của hồ sơ, viết giấy biên nhận nếu hồ sơ đã đủ thành phần. Nếu hồ sơ thiếu, công chức hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ túc hồ sơ đầy đủ theo quy định.

b) Bước 2:

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung. Thời gian chờ bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian thẩm định hồ sơ.

c) Bước 3: Tổ chức, cá nhân nộp lại giấy biên nhận, nộp lệ phí theo quy định, và nhận kết quả tại phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong giờ làm việc từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng các thành phố/huyện hoặc qua đường bưu điện.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (Theo mẫu);
- Bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;
- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

b) Số lượng hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, 01 bộ gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng, 01 bộ lưu tại trụ sở Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép.

**2.4. Thời hạn giải quyết:** 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

**2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...)

**2.8. Lệ phí:** thực hiện theo Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính.

- Phí thẩm định điều kiện hoạt động để cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.

- Lệ phí cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 200.000 đồng/giấy/lần.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Ban hành kèm theo mẫu tại Phụ lục 11 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014).

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

**Phụ lục 11**

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP  
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

**Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...<sup>(1)</sup>**  
.....<sup>(2)</sup>

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....<sup>(1)</sup> cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị .....<sup>(1)</sup> xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau .....<sup>(5)</sup>

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng .....<sup>(1)</sup> xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....<sup>(3)</sup>

Quy mô sản xuất.....<sup>(4)</sup>

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép Phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng.

<sup>(2)</sup>: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

<sup>(3)</sup>: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

<sup>(4)</sup>: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

<sup>(5)</sup>: Lý do phải cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép.



### **3. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

#### **3.1. Trình tự thực hiện**

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh đầy đủ theo quy định, nộp hồ sơ tại phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện (sau đây gọi tắt là phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ thành phần của hồ sơ, viết giấy biên nhận nếu hồ sơ đã đủ thành phần. Nếu hồ sơ thiếu, công chức hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ túc hồ sơ đầy đủ theo quy định.

b) Bước 2:

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung. Thời gian chờ bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian thẩm định hồ sơ.

c) Bước 3: Tổ chức, cá nhân nộp lại giấy biên nhận, nộp lệ phí theo quy định, và nhận kết quả tại phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong giờ làm việc từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định.

**3.2. Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng hoặc qua đường bưu điện.

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

**\* Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Theo mẫu);

- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký Tổ chức, cá nhân hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà Tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất;

**\* Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép (Theo mẫu);
- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (hồ sơ đóng thành quyển), 01 bộ gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng, 01 bộ lưu tại Tổ chức, cá nhân Tổ chức, cá nhân.

**3.4. Thời hạn giải quyết:** 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, hết thời hạn hiệu lực; Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

**3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

**3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Cấp lại lần thứ...)

**3.8. Lệ phí:** thực hiện theo Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính.

- Phí thẩm định điều kiện hoạt động để cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/đơn vị/lần.

- Lệ phí cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 200.000 đồng/giấy/lần.

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (ban hành theo mẫu tại Phụ lục 12 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014).

**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;
- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với trường hợp Giấy phép hết hạn: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

### **3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

www.LuatVietnam.vn

**Phụ lục 12**

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP**  
**SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

**Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...<sup>(1)</sup>**

.....<sup>(2)</sup>

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....<sup>(1)</sup> cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị .....<sup>(1)</sup> xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau ....<sup>(5)</sup>

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng .....<sup>(1)</sup> xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....<sup>(3)</sup>

Quy mô sản xuất.....<sup>(4)</sup>

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Chú thích:**

<sup>(1)</sup> :Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

<sup>(2)</sup> : Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

<sup>(3)</sup> : Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

<sup>(4)</sup> : Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lit/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lit/năm).

<sup>(5)</sup> : Lý do phải cấp lại Giấy phép

#### **4. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện**

##### **4.1. Trình tự thực hiện:**

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện đầy đủ theo quy định, nộp hồ sơ tại UBND huyện hoặc thành phố.

##### **b) Bước 2:**

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, UBND huyện/thành phố có trách nhiệm xem xét và chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng các điều kiện theo quy định để cấp giấy chứng nhận.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong giờ làm việc từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định.

##### **4.2. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND các huyện/thành phố hoặc qua đường bưu điện.

##### **4.3. Thành phần hồ sơ:**

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (Theo mẫu số 1);

- Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn (Theo mẫu số 2) ;

- 03 ảnh của sản phẩm, kích thước (9x12)cm;

- Các chứng nhận, chứng chỉ khác (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014.

##### **4.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ**

**4.5. Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thực hiện thủ tục hành chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** các cơ sở công nghiệp nông thôn

**4.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp huyện/thành phố.

**4.8. Phí, lệ phí:** không có

**4.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

**4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn (Phục lục số 01, 02 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014).

#### **4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);
- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;
- Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường;
- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;
- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá qua các tiêu chí cơ bản sau:
  - + Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;
  - + Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật – xã hội và môi trường;
  - + Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;
  - + Tiêu chí khác.

#### **4.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công.
- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính Phủ về khuyến công.
- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các quy định cụ thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có).

**\*Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng, không bôi đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

**Mẫu số 01**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014  
của Bộ Công Thương)*

**(Tên cơ sở CNNT)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....

....., ngày.... tháng..... năm

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN  
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Kính gửi :.....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn :.....  
Địa chỉ :.....  
Điện thoại :..... ; Fax :..... ; Email :.....  
Người đại diện :..... ; Chức vụ :.....  
Giấy đăng ký kinh doanh số :..... ; Ngày cấp :.....  
Ngành nghề kinh doanh (tóm tắt ngành nghề chính có liên  
quan) :.....  
Địa điểm sản xuất :.....  
Vốn đăng kí kinh doanh (nếu có) :.....  
Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất(đối với doanh  
nghiệp) :.....  
Tổng số lao động bình quân/ năm :.....  
Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước :.....  
Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu,  
chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau :  
Tên sản phẩm tham gia bình chọn :.....  
Mô tả tóm tắt về sản phẩm:.....

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của các sản phẩm trên ; sản phẩm  
tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp,  
thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn ; chịu trách nhiệm về tính chính xác,  
trung thực đối với các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia bình  
chọn./.

**Đại diện cơ sở  
Công nghiệp nông thôn  
(kí tên & đóng dấu)**

**Mẫu số 02**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương)

(Tên cơ sở CNNT)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng..... năm

**THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ  
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên sản phẩm :.....  
Tên cơ sở công nghiệp nông thôn :.....  
Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn :..... ; Chức vụ :.....  
Địa chỉ :.....  
Điện thoại :..... ; Email :.....

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Kích cỡ (dài, rộng, cao) :.....  
Trọng lượng sản phẩm (kg) :.....  
Kí hiệu sản phẩm (nếu có) :.....  
Tính năng, công dụng chính của sản phẩm :.....

**II. NỘI DUNG CHÍNH**

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau :.....

**1. Quy mô sản xuất kinh doanh và thị trường tiêu thụ**

**1.1 Về sản xuất, kinh doanh**

- Quy mô sản xuất (Sp/năm) (năm trước và dự kiến năm hiện tại) :.....
- Doanh thu của sản phẩm (năm trước và dự kiến năm hiện tại) :.....
- Số lượng và doanh thu xuất khẩu năm trước và dự kiến năm hiện tại (nếu có) :.....
- Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại) :.....
- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm :.....
- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm :.....
- Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm. Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất sản phẩm :.....
- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm :.....
- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,...) đang áp dụng (nếu có). Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.
- Khả năng sản xuất hàng loạt, số lượng lớn :.....
- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác :.....
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm :.....

**1.2 Về thị trường**

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước) và đánh giá tiềm năng, đáp ứng nhu cầu thị trường :.....
- Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có) :.....

**2. Lao động, bảo vệ môi trường**



## 2.1 Về lao động

- Tổng số lao động đang sử dụng :.....
- Chất lượng lao động đang sử dụng :.....
- Thu nhập bình quân :...../VNĐ/người/tháng

## 2.2 Về môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm :.....

## 3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm :

- Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc :.....
- Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm :.....
- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo ; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp :.....

## 4. Một số nội dung khác

- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận :.....
- Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được :.....
- Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước :.....
- Tham gia các hoạt động công ích xã hội :.....
- Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

## III. TỰ NHẬN XÉT

.....  
.....  
.....

**Đại diện cơ sở  
Công nghiệp nông thôn  
(kí tên & đóng dấu)**

## **II. Lĩnh vực Thương mại**

### **1. Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

#### **1.1. Trình tự thực hiện:**

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ thuốc lá đầy đủ theo quy định, nộp hồ sơ tại phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện (*sau đây gọi tắt là phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng*).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ thành phần của hồ sơ, viết giấy biên nhận nếu hồ sơ đã đủ thành phần. Nếu hồ sơ thiếu, công chức hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ túc hồ sơ đầy đủ theo quy định.

#### b) Bước 2:

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng xem xét và cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ thuốc lá. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung. Thời gian chờ bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian thẩm định hồ sơ.

c) Bước 3: Tổ chức, cá nhân nộp lại giấy biên nhận, nộp lệ phí theo quy định, và nhận kết quả tại phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong giờ làm việc từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc hoặc tại Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện hoặc qua đường bưu điện.

#### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:
  - + Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;
  - + Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);
  - + Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc hoặc tại Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

**1.8. Lệ phí:** theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính.

**\* Đối với chủ thể là doanh nghiệp, tổ chức:**

- Tại địa bàn thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc: 1.400.000 đồng/điểm kinh doanh (1.200.000 đồng phí thẩm định, 200.000 đồng lệ phí cấp giấy phép).

- Tại địa bàn các huyện: 700.000 đồng/điểm kinh doanh (600.000 đồng phí thẩm định, 100.000 đồng lệ phí cấp giấy phép)

**\* Đối với chủ thể là hộ kinh doanh cá thể:**

- Tại địa bàn thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc: 600.000 đồng/điểm kinh doanh (400.000 đồng phí thẩm định, 200.000 đồng lệ phí cấp giấy phép).

- Tại địa bàn các huyện: 400.000 đồng/điểm kinh doanh (200.000 đồng phí thẩm định, 200.000 đồng lệ phí cấp giấy phép).

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công Thương).

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;  
- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m<sup>2</sup> trở lên;

- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 77/2012/TT-BCT ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng.....UBND huyện (quận) .....(1)

1. Tên thương nhân:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ .... ngày .....tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị UBND huyện (quận) .....(1) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(3)

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

**Chú thích:**

(1): Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

## **2. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ thuốc lá đầy đủ theo quy định, nộp hồ sơ tại phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện (*sau đây gọi tắt là phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng*).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ thành phần của hồ sơ, viết giấy biên nhận nếu hồ sơ đã đủ thành phần. Nếu hồ sơ thiếu, công chức hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ túc hồ sơ đầy đủ theo quy định.

### b) Bước 2:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ thuốc lá. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Bước 3: Tổ chức, cá nhân nộp lại giấy biên nhận, nộp lệ phí theo quy định, và nhận kết quả tại phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong giờ làm việc từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện hoặc qua đường bưu điện.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung (Theo mẫu);
- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**2.4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc hoặc tại Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện.

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**2.8. Lệ phí:** theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính;

- Tại địa bàn thành phố: 200.000 đồng/ Giấy phép / Điểm kinh doanh
- Tại địa bàn các huyện khác: 100.000 đồng/ Giấy phép / Điểm kinh doanh

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp sửa đổi bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công Thương).

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 77/2012/TT-BCT ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

www.LuatVietnam.vn

**TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
-----  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng.....UBND huyện (quận).....

1. Tên thương nhân : .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)... số ..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày..... tháng.....năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):  
+ Tên: .....
- + Địa chỉ: .....
- + Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được UBND huyện (quận) ..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....

Đã được UBND huyện (quận) ..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ..... ngày ..... tháng .....năm .....(nếu đã có)

.....(1).....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận) ..... xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:



- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm .....(3)

3. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

- Thông tin cũ:.....

- Thông tin mới:.....(3)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(4)

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

**Chú thích:**

(1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

### **3. Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

#### **3.1. Trình tự thực hiện:**

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ thuốc lá đầy đủ theo quy định, nộp hồ sơ tại phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện (*sau đây gọi tắt là phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng*).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ thành phần của hồ sơ, viết giấy biên nhận nếu hồ sơ đã đủ thành phần. Nếu hồ sơ thiếu, công chức hướng dẫn đề người đến nộp hồ sơ bổ túc hồ sơ đầy đủ theo quy định.

b) Bước 2:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng xem xét và cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ thuốc lá. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Bước 3: Tổ chức, cá nhân nộp lại giấy biên nhận, nộp lệ phí theo quy định, và nhận kết quả tại phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong giờ làm việc từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định.

**3.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện hoặc qua đường bưu điện.

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

**\* Trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá hết hạn:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:
  - + Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;
  - + Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);
  - + Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

**\* Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cũ bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy**

- Văn bản đề nghị cấp lại (theo mẫu);

- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**3.4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện.

**3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**3.8. Lệ phí:** theo Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính

- Tại địa bàn thành phố: 200.000 đồng/ Giấy phép / Điểm kinh doanh

- Tại địa bàn các huyện khác: 100.000 đồng/ Giấy phép / Điểm kinh doanh

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo TT21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công Thương).

**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Thông tư số 77/2012/TT-BCT ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

**TÊN THƯƠNG NHÂN    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

*(Trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi: Phòng.....UBND huyện (quận).....(1)

1. Tên thương nhân: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số ..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày ..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
  - Tên: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được UBND huyện (quận).....(1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được UBND huyện (quận).....(1).....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận).....(1)..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do ....(2).....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân xin cấp phép

(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

## **4. Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu**

### **4.1. Trình tự thực hiện**

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đầy đủ theo quy định, nộp hồ sơ tại phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện (sau đây gọi tắt là phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ thành phần của hồ sơ, viết giấy biên nhận nếu hồ sơ đã đủ thành phần. Nếu hồ sơ thiếu, công chức hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ túc hồ sơ đầy đủ theo quy định.

b) Bước 2:

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng xem xét và cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung. Thời gian chờ bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian thẩm định hồ sơ.

c) Bước 3: Tổ chức, cá nhân nộp lại giấy biên nhận, nộp lệ phí theo quy định, và nhận kết quả tại phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong giờ làm việc từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định.

**4.2. Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng hoặc qua đường bưu điện.

### **4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Theo mẫu);
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- Bản Cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình;
- Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh);
- Bản sao Giấy chứng nhận công bố hợp quy hoặc Giấy chứng nhận tiêu chuẩn các loại sản phẩm rượu của thương nhân dự kiến kinh doanh;
- Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Số lượng hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (hồ sơ đóng thành quyển), 01 bộ gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng, 01 bộ lưu tại Tổ chức, cá nhân.

**4.4. Thời hạn giải quyết:** 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh ngành, nghề bán lẻ rượu.

**4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

**4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

**4.8. Lệ phí:** Thực hiện theo Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính.

**\* Đối với doanh nghiệp**

- Trên địa bàn thành phố: 1.400.000 đồng/một lần thẩm định/một giấy phép (trong đó: phí thẩm định: 1.200.000 đồng lệ phí cấp giấy: 200.000 đồng)

- Trên địa bàn huyện: 700.000 đồng/một lần thẩm định/một giấy phép (trong đó: phí thẩm định: 700.000 đồng, lệ phí cấp giấy: 100.000 đồng)

**\* Đối với hộ cá thể**

- Trên địa bàn thành phố: 600.000 đồng/một lần thẩm định/một giấy phép (trong đó: phí thẩm định: 400.000 đồng, lệ phí cấp giấy: 200.000 đồng)

- Trên địa bàn huyện: 300.000 đồng/một lần thẩm định/một giấy phép (trong đó: phí thẩm định: 200.000 đồng, lệ phí cấp giấy: 100.000 đồng)

**4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (ban hành tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014).

**4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có đồng đồng và văn bản giới thiệu của thung nhân bán buôn sản phẩm rượu;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;

- Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định 94/2012/NĐ-Cp ngày 12/11/2012.

#### **4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

www.LuatVietnam.vn

**Phụ lục 31**

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương)

**TÊN THƯƠNG NHÂN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Phòng .....<sup>(1)</sup>

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ .... ngày ..... tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh: .....

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Phòng .....<sup>(1)</sup> xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

**1. Được phép mua:**

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu: .....<sup>(2)</sup> của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau: .....<sup>(3)</sup>

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu: .....<sup>(2)</sup> của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau: .....<sup>(3)</sup>

**2. Được phép bán:**

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm: .....

<sup>(4)</sup>

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân**

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

**Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

<sup>(2)</sup>: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

<sup>(3)</sup>: Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

<sup>(4)</sup>: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.



## **5. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu**

### **5.1. Trình tự thực hiện**

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đầy đủ theo quy định, nộp hồ sơ tại Phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện (sau đây gọi tắt là phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ thành phần của hồ sơ, viết giấy biên nhận nếu hồ sơ đã đủ thành phần. Nếu hồ sơ thiếu, công chức hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ túc hồ sơ đầy đủ theo quy định.

b) Bước 2:

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung. Thời gian chờ bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian thẩm định hồ sơ.

c) Bước 3: Tổ chức, cá nhân nộp lại giấy biên nhận, nộp lệ phí theo quy định, và nhận kết quả tại phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong giờ làm việc từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định.

**5.2. Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng hoặc qua đường bưu điện.

### **5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung;
- Bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu
- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung

b) Số lượng hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (hồ sơ đóng thành quyển), 01 bộ gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng, 01 bộ lưu tại Tổ chức, cá nhân.

**5.4. Thời hạn giải quyết:** 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

**5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

**5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...)

**5.8. Lệ phí:** Thực hiện theo Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính.

**\* Đối với doanh nghiệp**

- Trên địa bàn thành phố : 1.400.000 đồng/một lần thẩm định/một giấy phép (trong đó: phí thẩm định: 1.200.000 đồng, lệ phí cấp giấy: 200.000 đồng)

- Trên địa bàn huyện : 700.000 đồng/một lần thẩm định/một giấy phép (trong đó: phí thẩm định: 700.000 đồng, lệ phí cấp giấy: 100.000 đồng)

**\* Đối với hộ cá thể**

- Trên địa bàn thành phố: 600.000 đồng/một lần thẩm định/một giấy phép (trong đó: phí thẩm định: 400.000 đồng, lệ phí cấp giấy: 200.000 đồng)

- Trên địa bàn huyện: 300.000 đồng/một lần thẩm định/một giấy phép (trong đó: phí thẩm định: 200.000 đồng, lệ phí cấp giấy: 100.000 đồng)

**5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 33 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014).

**5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có đồng đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;

- Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định 94/2012/NĐ-Cp ngày 12/11/2012.

### **5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

www.LuatVietnam.vn

**Phụ lục 33**

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương)

**TÊN DOANH NGHIỆP**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:      /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP  
KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

Tên doanh nghiệp : .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ .... ngày ..... tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh: .....

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....<sup>(2)</sup> sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....<sup>(1)</sup> cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....<sup>(2)</sup> sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....<sup>(1)</sup> cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị .....<sup>(1)</sup> xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh .....<sup>(2)</sup> sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

1. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức .....<sup>(2)</sup> .... sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu: .....<sup>(3)</sup> .... của

.....<sup>(4)</sup> .... sản phẩm rượu có tên sau:

.....<sup>(5)</sup>

Được phép tổ chức .....<sup>(2)</sup> .... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố  
.....<sup>(6)</sup>

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu: .....<sup>(3)</sup> .... của

.....<sup>(4)</sup> .... sản phẩm rượu có tên sau:

.....<sup>(5)</sup>

Được phép tổ chức .....<sup>(2)</sup> .... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố  
.....<sup>(6)</sup>

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:....

b) Đề nghị bổ sung:

(7)

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**  
**(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)**

**Chú thích:**

(1): Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2) Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

(5): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

(6): Ghi rõ tên của từng tỉnh, thành phố.

(7): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

## **6. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu**

### **6.1. Trình tự thực hiện**

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đầy đủ theo quy định, nộp hồ sơ tại phòng Kinh tế thành phố hoặc Phòng Kinh tế và hạ tầng các huyện (sau đây gọi tắt là phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ thành phần của hồ sơ, viết giấy biên nhận nếu hồ sơ đã đủ thành phần. Nếu hồ sơ thiếu, công chức hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ túc hồ sơ đầy đủ theo quy định.

b) Bước 2:

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng xem xét và cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung. Thời gian chờ bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian thẩm định hồ sơ.

c) Bước 3: Tổ chức, cá nhân nộp lại giấy biên nhận, nộp lệ phí theo quy định, và nhận kết quả tại phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong giờ làm việc từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định.

**6.2. Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng hoặc qua đường bưu điện.

### **6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

***\* Trường hợp Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực:***

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Theo mẫu);
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- Bản Cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình;
- Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh);

- Bản sao Giấy chứng nhận công bố hợp quy hoặc Giấy chứng nhận tiêu chuẩn các loại sản phẩm rượu của thương nhân dự kiến kinh doanh;

- Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

**\* Trường hợp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:**

- Đơn đề nghị cấp lại;

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

b) Số lượng hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, 01 bộ gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng, 01 bộ lưu tại Tổ chức, cá nhân.

**6.4. Thời hạn giải quyết:** 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

**6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

**6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Cấp lại lần thứ...)

**6.8. Lệ phí:** Thực hiện theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính.

**\* Đối với doanh nghiệp**

- Trên địa bàn thành phố: 1.400.000 đồng/một lần thẩm định/một giấy phép (trong đó: phí thẩm định: 1.200.000 đồng, lệ phí cấp giấy: 200.000 đồng)

- Trên địa bàn huyện: 700.000 đồng/một lần thẩm định/một giấy phép (trong đó: phí thẩm định: 700.000 đồng, lệ phí cấp giấy: 100.000 đồng)

**\* Đối với hộ cá thể**

- Trên địa bàn thành phố: 600.000 đồng/một lần thẩm định/một giấy phép (trong đó: phí thẩm định: 400.000 đồng, lệ phí cấp giấy: 200.000 đồng).

- Trên địa bàn huyện: 300.000 đồng/một lần thẩm định/một giấy phép (trong đó: phí thẩm định: 200.000 đồng, lệ phí cấp giấy: 100.000 đồng).

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (ban hành tại Phụ lục 34 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014).

#### **6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;
- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;
- Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có đồng đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;
- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;
- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;
- Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012;

Đối với trường hợp Giấy phép hết hạn: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

#### **6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.



**Phụ lục 34**

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương)

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**

**GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,  
bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi: .....<sup>(1)</sup>

Tên doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ .... ngày ..... tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh: .....

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....<sup>(2)</sup> sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....<sup>(1)</sup> cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....<sup>(2)</sup> sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....<sup>(1)</sup> cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị .....<sup>(1)</sup> xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh .....<sup>(2)</sup> sản phẩm rượu, với lý do .....<sup>(3)</sup> .....

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)*

**Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

<sup>(2)</sup>: Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

<sup>(3)</sup>: Ghi rõ lý do xin cấp lại.